

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 27 – 5 – 2021  
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đại Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Phúc Tiêng

2. Ông Hồ Xuân Giao

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Tinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 826/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị T, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Số N, tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Ông Đậu Khắc D, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số N, tổ dân phố 4, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Bà Đặng Thị T và ông Đậu Khắc D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 30/12/1999.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung với nhau, ông Đậu Khắc D thường xuyên uống rượu say xỉn, không lo đến vợ con, không chịu làm ăn kinh tế nên hay sinh ra

cãi vã, xô xát nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và kéo dài từ đó cho đến nay. Ông bà sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà Đặng Thị T xác định không còn tình cảm với ông Đậu Khắc D nữa nên bà Đặng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Đậu Khắc D.

Về con chung: Bà Đặng Thị T và ông Đậu Khắc D có 02 con chung là Đậu Anh T3, sinh ngày 29/11/2000 và Đậu Minh A, sinh ngày 24/10/2005.

Khi ly hôn nguyện vọng của bà Đặng Thị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đậu Minh A đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đặng Thị T và ông Đậu Khắc D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Đậu Anh T3, sinh ngày 29/11/2000 đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân. Do đó vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng bà Đặng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đặng Thị T và ông Đậu Khắc D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đặng Thị T và ông Đậu Khắc D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Đậu Khắc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đậu Khắc D vắng mặt không tham gia tố tụng.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 98; các Điều 171 đến Điều 177; Điều 220 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Đặng Thị T. Bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Đậu Khắc D.

Về con chung: Giao cho bà Đặng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đậu Minh A, sinh ngày 24/10/2005 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà Đặng Thị T phải chịu án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung giữa bà với ông Đậu Khắc D, đây là quan hệ “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Bị đơn ông Đậu Khắc D có địa chỉ tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông Đậu Khắc D nhưng ông Đậu Khắc D không tham gia tố tụng, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn ông Đậu Khắc D vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đặng Thị T và ông Đậu Khắc D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 30/12/1999, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung với nhau, ông Đậu Khắc D thường xuyên uống rượu say xỉn, không lo đến vợ con, không chịu làm ăn kinh tế nên hay sinh ra cãi vã, xô xát nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và kéo dài từ đó cho đến nay, đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Bà Đặng Thị T xác định không còn tình cảm với ông Đậu Khắc D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Đậu Khắc D.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Mâu thuẫn giữa bà Đặng Thị T và ông Đậu Khắc D do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã. Hiện nay ông Đậu Khắc D và bà Đặng Thị T đã ly thân, không ai quan tâm tới ai.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị T và ông Đậu Khắc D có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Bà Đặng Thị T đã cương quyết xin ly hôn với ông Đậu Khắc D vì vậy nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị T,

giải quyết cho bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Đậu Khắc D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Bà Đặng Thị T và ông Đậu Khắc D có 02 con chung là Đậu Anh T3, sinh ngày 29/11/2000 và Đậu Minh A, sinh ngày 24/10/2005.

Khi ly hôn nguyện vọng của bà Đặng Thị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đậu Minh A. Đồng thời cháu Đậu Minh A có nguyện vọng ở với bà Đặng Thị T. Xét thấy nguyện vọng của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Giao cho bà Đặng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đậu Minh A cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đặng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

Đối với cháu Đậu Anh T3, sinh ngày 29/11/2000 đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân. Do đó vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng bà Đặng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà Đặng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Đặng Thị T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Đặng Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Đặng Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Đậu Khắc D.

2. *Về con chung*: Giao cho bà Đặng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đậu Minh A, sinh ngày 24/10/2005 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đặng Thị T không yêu cầu nên không giải quyết.

Đối với cháu Đậu Anh T3, sinh ngày 29/11/2000 đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân. Do đó vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng bà Đặng Thị T không yêu cầu nên không giải quyết.

Ông Đậu Khắc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Bà Đặng Thị T không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Bà Đặng Thị T không yêu cầu nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà Đặng Thị T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0013165 ngày 23/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND TP. BMT; Tỉnh;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND phường T2,  
TP. B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Trần Đại Minh**